TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **75**/2021/HNGĐ-ST*
Ngày: 24-5-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Năm**

2. Ông **Nguyễn Văn Tâm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Tuyết L**, sinh năm: 1995 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số M, đường T, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Lê Quốc T**, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Võ Tuyết L có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên theo đơn xin ly hôn ngày 25/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Tuyết L có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới, anh chị sống chung gia đình chồng được 05 năm thì cha mẹ chồng cho đất hai vợ chồng và cha mẹ chị cho tiền cất nhà để hai vợ chồng sống riêng, tuy nhiên sau khi xây cất nhà xong thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, sau khi cất nhà xong thì anh T ngày càng đam mê cờ bạc, đá gà gây nợ nần nên chị phải về nhà cha mẹ chị xin tiền trả nợ cho anh, rất nhiều lần chị đã khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi mà còn đánh đập chị, quá bức xúc với cuộc sống chung như vậy nên chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian không chung sống anh T không có liên lạc để hàn gắn tình cảm cũng như thăm nom, chăm sóc con chung, từ năm 2017 cho đến năm 2019, gia đình chồng chị có thăm con chị được một lần và cho bé 3.000.000 đồng để bé uống sữa, rồi cho đến nay là anh T không có cấp dưỡng gì khác cho con chung, tình cảm dần phai nhạt và hiện nay chị không còn tình cảm gì để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung tên Lê Ái M, sinh ngày 10/6/2012, hiện đang sống chung với chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng theo quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng lần đầu là sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quốc T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L, mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Tuyết L, cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: giao con chung tên Lê Ái M, sinh ngày 10/6/2012 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Nguyên đơn chị Võ Tuyết L có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Lê Quốc T vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Quốc T tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, điểm b

khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Tuyết L và anh Lê Quốc T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Tuyết L và anh Lê Quốc T có tổ chức cưới và chung sống với nhau từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường S, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyển số 01/2015 ngày 18/8/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị L, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh T sa đọa vào những tệ nạn xã hội, gây ra nợ chị phải nhiều lần mượn tiền để chi trả các khoản nợ của anh, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi nên anh chị đã không còn chung sống với nhau. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa án và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L, cho thấy anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị, không tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Lê Ái M, sinh ngày 10/6/2012. Hiện nay con chung đang được chị L trực tiếp chăm sóc. Ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật. Đồng thời, cháu M cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu nên cần giao cháu M cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có cơ sở được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Võ Tuyết L có yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị L và anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Tuyết L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Tuyết L và anh Lê Quốc T được ly hôn.

2. Về con chung: giao con chung tên Lê Ái M, sinh ngày 10/6/2012 cho chị Võ Tuyết L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Quốc T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định pháp luật, tương đương 745.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động được.

Anh Lê Quốc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Võ Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018507 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Võ Tuyết L đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Quốc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND phường S, q. Tân Bình, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh